TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 9 - 2021
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Viết Bình
2. Bà Nguyễn Thị Hằng Hải

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 09 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2021/TLST- HNGĐ ngày 24/6/2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/8/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2021/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Huyền T, sinh năm 1996
Địa chỉ: Khu H, phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ.
Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
Bị đơn: Anh Trần Văn B, sinh năm 1986
Địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai.
Vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2021, bản tự khai ngày 29/6/2021 thì chị Bùi Thị Huyền T và anh Trần Văn B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 02 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ theo giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 03/02/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính do anh B sử dụng ma túy, không chăm lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình, khi phát hiện anh sử dụng ma túy chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh không sửa đổi, nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mỗi khi cãi nhau anh lại bỏ nhà đi, không quan tâm đến

gia đình, do đó mâu thuẫn của anh chị ngày càng trầm trọng hơn. Do không khắc phục được mâu thuẫn nên vợ chồng chị đã tự sống ly thân từ tháng 6/2017, trong thời gian sống ly thân hai bên không còn quan tâm thăm hỏi đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể khắc phục được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn B.

Về con chung: Chị Bùi Thị Huyền T xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng chị có 01 người con chung cháu Trần Văn Thiện N, sinh ngày 10/6/2017, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện cháu đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh Trần Văn B cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Bùi Thị Huyền T xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Văn B, trong quá trình giải quyết vụ án, anh vắng mặt không có lý do Tòa án đã tiến hành xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và thông báo việc giải quyết vụ án trên báo, đài trung ương, cổng thông tin điện tử Tòa án nhưng anh Trần Văn B vẫn không có văn bản trả lời ý kiến và không có mặt theo giấy triệu tập.

Về việc cung cấp tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu chứng cứ về nhân thân, địa chỉ thường trú, về việc có đăng ký kết hôn và có con chung, chứng cứ chứng minh mâu thuẫn của vợ chồng, chứng cứ chứng minh về công việc và thu nhập cá nhân. Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Đối với vụ án này Toà án không tiến hành hoà giải được về quan hệ hôn nhân, nuôi dưỡng chăm sóc con chung. Vì anh Trần Văn B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, Toà án đã tiến hành lập biên bản về việc anh Trần Văn B vắng mặt để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai nhận định: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đều tuân theo trình tự pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bùi Thị Huyền T.

Xử cho chị Bùi Thị Huyền T ly hôn anh Trần Văn B;

Xử giao cháu Trần Văn Thiện N, sinh ngày 10/6/2017 cho chị Bùi Thị Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đề nghị tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật Tố tụng: Chị Bùi Thị Huyền T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với anh Trần Văn B (địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Nguyên đơn chị Bùi Thị Huyền T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Văn B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Huyền T và anh Trần Văn B kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 03/02/2017 tại ủy ban nhân dân phường M, thành phố V, tỉnh Phú Thọ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo trình bày của chị Bùi Thị Huyền T đã được chính quyền địa phương xác nhận là đúng sự thực, chị Bùi Thị Huyền T có đơn xin xét xử vắng mặt và chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh Trần Văn B. Đối với anh Trần Văn B vắng mặt tại phiên tòa, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã niêm yết các các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật và thông báo việc giải quyết vụ án trên báo, đài trung ương, cổng thông tin điện tử Tòa án nhưng anh B không có mặt và cũng không có văn bản trả lời. Xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị Bùi Thị Huyền T và anh Trần Văn B đã thực sự trầm trọng, anh chị đã sống ly thân không quan tâm đến nhau từ tháng 6 năm 2017 đến nay, việc chị Bùi Thị Huyền T xin ly hôn anh Trần Văn B là có căn cứ. Vì vậy Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Bùi Thị Huyền T ly hôn anh Trần Văn B.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị Bùi Thị Huyền T và anh Trần Văn B có một người con chung cháu Trần Văn Thiện N, sinh ngày 10/6/2017, cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện đang ở cùng với chị Bùi Thị Huyền T. Tại đơn xin xét xử vắng mặt chị Bùi Thị Huyền T vẫn giữ nguyên yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Văn Thiện N và không yêu anh Trần Văn B cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy cháu Trần Văn Thiện Nhân hiện đang ở cùng chị Bùi Thị Huyền T. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Bùi Thị Huyền T đã cung cấp cho Tòa án chứng cứ, chứng minh hiện chị đang là công nhân tại Chi nhánh công ty TNHH một thành viên 19/5 Bộ công an

– Xí nghiệp cơ khí trang phục phân xưởng 2, mức lương chính 9.000.000đ/tháng. Anh Trần Văn B không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nào. Vì vậy để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu Trần Văn Thiện N, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Trần Văn Thiện N cho chị Bùi Thị Huyền T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị Bùi Thị Huyền T không yêu cầu về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị Bùi Thị Huyền T xác nhận vợ chồng chị không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bùi Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình

1. Xử cho chị Bùi Thị Huyền T ly hôn anh Trần Văn B

2. Về con chung: Xử giao cháu Trần Văn Thiện N, sinh ngày 10/6/2017 cho chị Bùi Thị Huyền T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Trần Văn B không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Trần Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0002593 ngày 224/6/2021.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện BT (02);
- UBND P. M, TP V;
- Đương sự (2);
- Chi cục THADS BT;
- Lưu HS, TA, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(*đã ký*)

Phạm Thị Thu Hằng